TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH** Số: 33 /2022/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bố Trạch, ngày 09 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/10/2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Q, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Thôn D, xã Q, huyện Q, tỉnh Q.

Bị đơn: Anh Lê Văn C, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Công an phường Q, thị xã B, tỉnh Q.

Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Q, ngày 05/8/2000, số 40.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 01 tháng 11 năm 2022, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 74/2022/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 01 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa: Chị Lê Thị Q và anh Lê Văn C;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh C và chị Q thỏa thuận, thống nhất giao con Lê Châu An C, sinh ngày 25/02/2021 cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh C phải đóng góp phí tổn nuôi con cho chị Q mỗi tháng 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi tính từ tháng 11/2022.

Cấm chị chị Q ngăn cản anh C quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

* Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chịj Q và anh C phải chịu án phí vụ kiện ly hôn 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng); anh C phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, chị Q thỏa thuận, tự nguyện nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị Q đã nộp theo Biên lai số 0002575 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, chị Q và anh C đã nộp đủ án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
-Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
-VKSND huyện BốTrạch(2 bản);
- Anh Lê Văn C;
- Chị Lê Thị Q;
- Chi cục T.HADS huyện Bố Trạch;
-UBND xã Q (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân